

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC KẠN
TỈNH BẮC KẠN**

Bản án số: 40/2019/HS - ST
Ngày: 30/8/2019.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC KẠN – TỈNH BẮC KẠN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Triệu Thị Vang**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nông Văn Vĩnh** và bà **Phan Thị Huyền**

Thư ký phiên tòa: Bà **Ma Thị Nguyên** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Ông **Nông Văn Thuật** - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 41/2019/TLST - HS, ngày 17 tháng 7 năm 2019 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2019/QĐXXST – HS, ngày 16 tháng 8 năm 2019 đối với bị cáo: **NGUYỄN VĂN P** - sinh ngày 08/3/1983 tại Bắc Kạn; nơi ĐKKHKT: tổ 7, phường S, thành phố BK, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: 7/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị D; có vợ là: Hoàng Hà G (đã ly hôn) và 01 (một) con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Nguyễn Văn P sinh ra và lớn lên tại Bắc Kạn, được gia đình nuôi ăn học đến hết lớp 7/12 thì bỏ học ở nhà phụ giúp gia đình. Ngày 30/12/2011 bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm Chữa bệnh – Giáo dục – Lao động xã hội tỉnh Bắc Kạn thời gian 12 tháng; Ngày 21/10/2013 bị công an phường S, thành phố BK xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Trộm cắp tài sản” với số tiền là 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng). Ngày 31/3/2014 bị Tòa án nhân dân thị xã Bắc Kạn (nay là thành phố Bắc Kạn) xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản.

Bị bắt, tạm giữ từ ngày 20/3/2019 đến ngày 29/3/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, nay tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12^h30' ngày 20/3/2019 tại khu vực tổ 7, phường P, thành phố BK, tỉnh Bắc Kạn, tổ công tác đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố Bắc Kạn bắt người phạm tội quả tang đối với Nguyễn Văn P về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Thu giữ tại lòng bàn tay trái của P 01 gói được gói bằng giấy vè sinh màu trắng, bên trong có 02 gói nhỏ được gói bằng giấy màu trắng có chữ in, bên trong mỗi gói đều có chất bột màu trắng niêm phong phong bì ký hiệu P1 (Tiến hành cân xác định khối lượng được 0,14 gam, niêm phong vào phong bì ký hiệu M1 gửi giám định); 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel vỏ màu đen viền đỏ đã qua sử dụng; 03 xi lanh nhựa, 01 lọ nước cất đều chưa qua sử dụng; 01 xe mô tô nhãn hiệu ARROW màu đỏ đã qua sử dụng, BKS 97F3 - 7426.

14^h30' cùng ngày Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Bắc Kạn tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Văn P, không thu giữ được đồ vật, tài liệu gì.

Nguyễn Văn P khai nhận: toàn bộ số tài sản, đồ vật mà Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ trong quá trình kiểm tra hành chính và bắt quả tang là của P. Về nguồn gốc số ma túy trên, Nguyễn Văn P khai nhận: khoảng 12^h00 ngày 20/3/2019 P một mình điều khiển xe mô tô BKS 97F3 - 7426 từ nhà đi đến khu vực cầu B thuộc tổ 16, phường N, thành phố BK, tỉnh Bắc Kạn với mục đích tìm mua ma túy về sử dụng cho bản thân. Tại đây P gặp và mua với một người đàn ông không biết họ, tên, tuổi địa chỉ cụ thể 01 gói ma túy với giá 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Sau khi mua được ma túy P đem đến khu vực tổ 7, phường P, thành phố BK để sử dụng, nhưng chưa kịp sử dụng thì bị bắt quả tang và thu giữ toàn bộ số ma túy và các đồ vật tài sản nói trên.

Tại kết luận giám định số 61/KTHS – MT, ngày 28/3/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Kạn kết luận: mẫu chất bột màu trắng trong phong bì ký hiệu M1 gửi giám định là ma túy, loại heroine, có khối lượng là: 0,14 gam (không phải mười bốn gam)

Tại bản cáo trạng số: 33/CT - VKSTPBK, ngày 15 tháng 7 năm 2019 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn đã truy tố đối với bị cáo Nguyễn Văn P về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c, khoản 1, điều 249/ BLHS.

*** Điều luật có nội dung:**

“1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm: a)...

c) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR – 11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam”.

Tại phiên tòa: - Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo P. Đề nghị hội đồng xét xử tuyên bố

bị cáo Nguyễn Văn P phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và áp dụng điểm c, khoản 1, Điều 249; điểm s, khoản 1, Điều 51/BLHS: xử phạt bị cáo P từ 12 tháng đến 18 tháng tù; đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo P.

- Bị cáo P thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy như viện kiểm sát đã truy tố.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận định như sau:

Khoảng 12^h30' ngày 20/3/2019, tại khu vực tổ 7, phường P, thành phố BK, tỉnh Bắc Kạn, Nguyễn Văn P đã có hành vi cất giữ, cất giấu bất hợp pháp 0,14 (không phải mười bốn) gam chất ma túy (loại heroine). Mục đích Nguyễn Văn P tàng trữ trái phép chất ma túy là phục vụ nhu cầu sử dụng chất ma túy của bản thân; ngoài ra không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy.

Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy có đủ căn cứ xác định việc truy tố, xét xử bị cáo Nguyễn Văn P về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c, khoản 1, điều 249/BLHS là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Xét tính chất hành vi bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chế độ quản lý độc quyền của nhà nước về các chất ma túy, làm gia tăng tội phạm, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự địa phương, cần xử lý nghiêm nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo thấy:

Bị cáo có nhân thân xấu: ngày 30/12/2011 bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm Chữa bệnh – Giáo dục – Lao động xã hội tỉnh Bắc Kạn thời gian 12 tháng (Quyết định số 2833/QĐ - XPHC); Ngày 21/10/2013 bị công an phường S, thành phố BK xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Trộm cắp tài sản” với số tiền là 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) (QĐ số 163/QĐ – XPHC). Ngày 31/3/2014 bị Tòa án nhân dân thị xã Bắc Kạn (nay là thành phố Bắc Kạn) xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (Bản án số 31/2014/HSST). Bị cáo không có tình tiết tăng nặng và được hưởng tình tiết giảm nhẹ: thành khẩn khai báo - theo quy định tại điểm s, khoản 1, Điều 51/BLHS.

Vật chứng: - 01 phong bì niêm phong ký hiệu T61, mặt trước phong bì ghi: “Vụ Nguyễn Văn P (1983) tàng trữ trái phép chất ma túy”, mặt sau phong bì có 02 (hai) dấu tròn màu đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Kạn, 04 (bốn) chữ ký giáp lai không đọc được, tình trạng phong bì còn nguyên vẹn; 01 phong bì M2, mặt

trước ghi “phong bì và giấy gói cũ thu giữ trong lòng bàn tay trái của Nguyễn Văn P lưu hồ sơ vụ án”, mặt sau phong bì có 02 (hai) dấu tròn màu đỏ của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Bắc Kạn, 02 (hai) dòng chữ mang tên Nguyễn Văn P, 02 (hai) chữ mang tên P, 04 (bốn) chữ ký giáp lai không đọc được, tình trạng phong bì còn nguyên vẹn; 03 xi lanh nhựa, 01 lọ nước cất đều chưa qua sử dụng: tất cả không có giá trị, tịch thu tiêu hủy.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel vỏ màu đen viền đỏ đã qua sử dụng bên trong điện thoại có sim số 0353.524.644 và số IMEL1:301014169739833 và số IMEL2: 301014169739841 (tình trạng máy cũ đã qua sử dụng, ốp lưng có dán băng dính): tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo P.

Đối với chiếc xe mô tô BKS 97F3 – 7426, quá trình điều tra xác định được là tài sản hợp pháp của ông Nguyễn Văn T (bố đẻ của bị cáo P). Việc Nguyễn Văn P sử dụng chiếc xe trên vào việc phạm tội thì ông T không biết, nên Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe mô tô trên cho ông Nguyễn Văn T là có căn cứ.

Về nguồn gốc ma túy, bị cáo P khai mua với một người đàn ông không rõ tên tuổi, địa chỉ cụ thể, quá trình điều tra không xác định được danh tính của người đàn ông này nên không có căn cứ để xử lý.

Tài liệu trong hồ sơ vụ án xác định bị cáo không có tài sản để đảm bảo cho việc thi hành án, nên hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo P.

Bị cáo P phải chịu tiền án phí theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016.

Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là hợp pháp, đúng quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

* Tuyên bố bị cáo: Nguyễn Văn P phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

* Căn cứ vào điểm c, khoản 1, Điều 249; điểm s, khoản 1, Điều 51/BLHS.

Xử phạt: Nguyễn Văn P: 15 (Mười lăm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt thi hành án, bị cáo được trừ thời gian đã tạm giữ từ ngày 20/3/2019 đến ngày 29/3/2019.

* Vật chứng: Áp dụng điều 47/BLHS và Điều 106/BLTTHS:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì niêm phong ký hiệu T61, mặt trước phong bì ghi: “Vụ Nguyễn Văn P (1983) tàng trữ trái phép chất ma túy”, mặt sau phong bì có 02 (hai) dấu tròn màu đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Kạn, 04 (bốn)

chữ ký giáp lai không đọc được, tình trạng phong bì còn nguyên vẹn; 01 phong bì M2, mặt trước ghi “phong bì và giấy gói cũ thu giữ trong lòng bàn tay trái của Nguyễn Văn P lưu hồ sơ vụ án”, mặt sau phong bì có 02 (hai) dấu tròn màu đỏ của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Bắc Kạn, 02 (hai) dòng chữ mang tên Nguyễn Văn P, 02 (hai) chữ mang tên P, 04 (bốn) chữ ký giáp lai không đọc được, tình trạng phong bì còn nguyên vẹn; 03 xi lanh nhựa, 01 lọ nước cất đều chưa qua sử dụng.

- Tạm giữ: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel vỏ màu đen viền đỏ đã qua sử dụng bên trong điện thoại có sim số 0353.524.644 và số IMEL1:301014169739833 và số IMEL2: 301014169739841 (tình trạng máy cũ đã qua sử dụng, ốp lưng có dán băng dính) để đảm bảo thi hành án cho bị cáo P.

* Về án phí: Căn cứ Điều 23 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo P phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSTBK: 1
- VKSTPBK: 2
- CATPBK: 2
- Bị cáo: 1
- STPTBK: 1
- TA tỉnh: 1
- T.H.A: 2
- Lưu hồ sơ: 1
- Lưu VP: 1.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Triệu Thị Vang

